TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 273/2025/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 29 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 393/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm: 1965; căn cước công dân số 068065000265; Địa chỉ: Số B T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm: 1973; căn cước công dân số 068173004778; Địa chỉ: Số B T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 54, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Thanh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Thanh C cùng xác định vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Thị Chi U, sinh ngày: 24/10/1992; Phạm Hoài T1, sinh ngày: 11/10/2000 và Phạm Đức T2, sinh ngày: 21/11/2003. Đối

với con chung do các con chung đã đủ tuổi trưởng và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Thanh C cùng xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Thanh C cùng xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Phạm Tuấn N chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ 75.000 (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông Phạm T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, tạm ứng án phí Tòa án theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Ông Phạm T còn phải nộp số tiền 75.000 (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường Lâm Viên – Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc